

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI
YENBAI JOINT-STOCK FORES-AGRICUL TURAL AND FOODSTUFFS COMPANY

Address: 279 Nguyen Phuc – Nguyen Phuc Ward – Yen Bai City – Yen Bai Province

Email: Yfatuf@gmail.com

Website: www.yfatuf.com.vn



BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

QUÝ III NĂM 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

09 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		63.384.135.369	78.542.648.851
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	38.304.267.055	32.455.265.230
1. Tiền	111		1.674.217.055	2.725.215.230
2. Các khoản tương đương tiền	112		36.630.050.000	29.730.050.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	(...)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10.335.641.869	5.121.217.388
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	8.971.041.745	6.788.613.274
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	943.919.798	147.000.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác (138,141)	136	V.5	820.264.258	442.188.046
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6	(399.583.932)	(2.256.583.932)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	12.843.362.611	40.855.543.348
1. Hàng tồn kho	141		12.843.362.611	40.855.543.348
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	V.8	1.900.863.834	110.622.885
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.900.863.834	67.880.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	42.742.885
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		24.944.535.024	26.937.423.147

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

09 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	V.9	-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	
II. Tài sản cố định	220		21.336.268.776	26.875.423.147
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	21.336.268.776	26.875.423.147
- Nguyên giá	222		156.288.636.511	155.599.267.216
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(134.952.367.735)	(128.723.844.069)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	
- Nguyên giá	225		-	
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	(...)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	-	-
- Nguyên giá	228		75.000.000	75.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(75.000.000)	(75.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	
- Nguyên giá	231		-	
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.12	3.608.266.248	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	241		-	
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		3.608.266.248	
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	(...)
VI. Tài sản dài hạn khác	260	V.13	-	62.000.000

JDT
 ON
 OF
 AN
 UC
 YB
 VBI

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

09 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	62.000.000
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		88.328.670.393	105.480.071.998
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		22.564.922.811	36.928.996.231
I. Nợ ngắn hạn	310		22.523.072.811	36.887.146.231
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	2.222.558.473	7.862.865.336
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	1.769.842.373	753.265.509
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	2.998.225.649	3.283.062.880
4. Phải trả người lao động	314		8.766.059.409	16.258.056.553
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	1.010.856.014	2.267.819.630
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	1.685.385.878	1.449.047.294
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	584.285.706	2.694.771.760
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.20	2.465.400.235	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	1.020.459.074	2.318.257.269
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		41.850.000	41.850.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.22	1.850.000	1.850.000
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.23	40.000.000	40.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-

18
 G1
 H
 NK
 PI
 JE
 11-1

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BAI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

09 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		65.763.747.582	68.551.075.767
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.24	65.763.747.582	68.551.075.767
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		47.600.880.000	47.600.880.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		47.600.880.000	47.600.880.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		323.060.671	323.060.671
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.362.252.276	410.455.470
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		16.477.554.635	20.216.679.626
- LNST chưa phân phối lấy kể đến cuối kỳ trước	421a		1.878.786.815	1.180.743.519
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		14.598.767.820	19.035.936.107
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		88.328.670.393	105.480.071.998

441
Y
AN
S
H
AI
Y

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Hằng

Lập, ngày 17 tháng 10 năm 2017

Kế toán trưởng

Hứa Minh Hồng

Giám đốc

Nguyễn Quốc Trinh



CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ - DC Kiểm toán

09 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý III năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	QUÝ III		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL1	65.895.945.432	65.289.276.835	206.723.622.330	227.779.658.757
<i>Ghi chú: Doanh thu nội bộ</i>			79.101.914.207	76.294.888.450	36.871.821.331	243.800.126.163
<i>Trong đó: Doanh thu xuất khẩu</i>			20.319.854.096	31.833.079.298	63.628.440.259	104.688.289.322
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL2	0	0		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		65.895.945.432	65.289.276.835	206.723.622.330	227.779.658.757
4. Giá vốn hàng bán	11	VL3	54.447.452.313	56.434.783.102	174.776.481.900	196.527.142.218
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		11.448.493.117	8.854.493.733	31.947.140.430	31.252.516.539
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL4	306.540.325	507.702.460	749.089.383	912.451.852
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	14.452.456	91.035.355	174.723.343	848.158.023
<i>- Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		8.922.588	86.292.299	119.681.950	768.392.135
8. Chi phí bán hàng	25	VI.8.b	1.800.107.162	2.817.119.712	6.076.702.216	9.677.228.590
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8.a	2.531.318.137	4.111.029.705	8.820.450.125	11.401.765.387
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.409.155.687	2.343.011.421	17.624.354.129	10.237.816.481
11. Thu nhập khác	31	VI.6	0	71.619.047	0	184.982.683
12. Chi phí khác	32	VI.7	609.721	0	5.113.571	7.672.727
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		-609.721	71.619.047	-5.113.571	177.309.956
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		7.408.545.966	2.414.630.468	17.619.240.558	10.415.126.437
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	1.313.680.310	462.889.639	3.020.472.738	1.367.423.141
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52				0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		6.094.865.656	1.951.740.829	14.598.767.820	9.047.703.296
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		1.280	410	3.067	1.901
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		0	0	0	0

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Hằng
Nguyễn Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng

Hứa Minh Hồng
Hứa Minh Hồng

Lập, ngày 17 tháng 10 năm 2017



Chức vụ

Nguyễn Quốc Trinh
Nguyễn Quốc Trinh

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

09 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp) ()*
Năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01		17.619.240.558	10.415.126.437
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		6.820.880.948	7.075.120.826
- Các khoản dự phòng	03		-2.896.600.000	851.689.286
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(12.921.380)	(70.538.393)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		574.366.040	912.451.852
- Chi phí lãi vay	06		119.681.950	768.392.135
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		22.224.648.116	19.952.242.143
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(3.314.681.596)	3.773.629.592
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		28.012.180.737	26.015.033.250
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(13.470.082.851)	(2.660.476.225)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.770.983.834)	(2.797.158.163)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(72.309.112)	(526.467.872)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.411.563.450)	(4.154.393.815)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			6.662.530.837
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.749.595.000)	(1.622.940.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		25.447.613.010	44.641.999.747
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.281.726.577)	(1.588.873.179)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	113.363.636
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			821.164.635
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.281.726.577)	(654.344.908)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		5.500.539.459	31.945.676.747
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(7.611.025.513)	(34.583.941.775)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-16.184.299.200	(22.100.585.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(18.294.785.254)	(24.738.850.028)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		5.871.101.179	19.248.804.811
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		32.455.265.230	23.491.834.910
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(22.099.354)	(5.918.806)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		38.304.267.055	42.734.720.915

Người lập biểu


Nguyễn Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng


Hữu Minh Hồng



CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

09 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.

2. **Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất, dịch vụ

3. **Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ:**

- Chế biến, gia công, kinh doanh lâm sản;
- Chế biến, gia công, kinh doanh nông sản thực phẩm;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa tổng hợp;
- Sản xuất, chế biến tinh dầu quế và các sản phẩm từ quế

4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng

5. **Cấu trúc doanh nghiệp:**

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Bao gồm:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy giấy Yên Bình	Xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
Nhà máy giấy Văn Chấn	Xã Thượng Bằng La, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái
Nhà máy giấy Minh Quân	Xã Minh Quân, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái
Nhà máy gia công giấy xuất khẩu Nguyễn Phúc	Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái
Nhà máy sản Văn Yên	Xã Đông Cuông, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái
Nhà máy chế biến tinh dầu quế Văn Chấn	Xã Sơn Lương, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái
Nhà máy gia công giấy Phú Thịnh	Xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
Nhà máy giấy Yên Hợp	Xã Yên Hợp, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính

11/01/2017 10:20:19

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

09 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được hạch toán theo nguyên tắc giá gốc và các khoản dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

09 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Đối với máy móc thiết bị của Dự án sản Văn Yên số 2 áp dụng phương pháp khấu hao theo sản lượng, công suất thiết kế của dự án là 110.000 tấn sản phẩm (100 tấn sản phẩm/ngày, sản xuất 100 ngày/năm và thực hiện trong vòng 11 năm).

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Tại thời điểm lập báo cáo này phần mềm máy vi tính đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

Các tài sản cố định còn lại được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10

5. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Là chi phí phục vụ cho nhiều kỳ sản xuất kinh doanh, được phân bổ cho kỳ sản xuất kinh doanh đến 12 tháng và trên 12 tháng.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

7. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Phân ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính của doanh nghiệp.

Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí phát sinh trong kỳ.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

YÊN BÁI
LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

09 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền chi cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ có tính chất kế hoạch và xảy ra thường xuyên.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 30/09/2017 : 22.680 VND/USD

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

09 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Đối với dự án xây dựng Nhà máy sản xuất giấy để xuất khẩu Thác Bà của Nhà máy giấy Yên Bình, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 12 năm (đến hết năm 2017). Công ty được miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp trong ba (03) năm đầu tiên (đến hết năm 2008) và giảm 50% trong năm (05) năm tiếp theo (đến hết năm 2013).

Đối với thu nhập chịu thuế hoạt động sản xuất, chế biến nông sản tại các Nhà máy sản xuất, chế biến các sản phẩm từ sản tại địa bàn huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (thuộc địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn) thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thuế với suất thuế TNDN 10% trong suốt thời gian hoạt động (Áp dụng kể từ 01/01/2015).

Đối với thu nhập chịu thuế dự án chế biến tinh dầu quế Văn Chấn và các sản phẩm từ quế trên địa bàn huyện Văn Chấn công ty được hưởng ưu đãi thuế suất 50% của mức thuế phổ thông năm 2015 - 2016.

Các dự án còn lại, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng.

17. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

09 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phải sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và được ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

18. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm; nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ảnh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, công hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuận của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

09 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phát sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

19. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

09 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

1. Tiền và các khoản tương đương tiền		Cuối kỳ	Đầu năm		
Tiền mặt		872.064.187	2.725.215.230		
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		802.152.868	29.730.050.000		
Các khoản tương đương tiền		36.630.050.000			
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc dưới 03 tháng					
		38.304.267.055	32.455.265.230		
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn		Cuối kỳ		Đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư ngắn hạn khác		-	-	-	-
Cộng		-	-	-	-
3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		Cuối kỳ	Đầu năm		
Công ty TNHH Đức Việt Anh		399.583.932	399.583.932		
Công ty TNHH Giấy XK Thái Bình		922.861.298	-		
Công ty TNHH MTV TM và gia công Trung Tín		465.663.660	1.073.139.463		
Công ty TNHH Giấy Lọc phẩm - Đài Loan		2.071.818.000	678.192.000		
Công ty cổ phần tinh dầu và chất thơm		-	1.857.000.000		
Công ty TNHH MTV nông sản Đông Hưng		161.664.872	128.401.063		
Công ty TNHH MTV TM và VT QT Thái Dương		-	682.975.500		
Công ty Cổ phần Thiên phúc		621.213.952	143.624.779		
Công ty TNHH TM XD XNK Hưng Hiệp		551.182.500	-		
Công ty TNHH Vĩnh Hùng Cát		1.408.381.466	-		
CN Công ty TNHH Đông Hòa		862.104.525	-		
JIN CAI SHEN TECHNOLOGY CO., LTD		1.388.016.000	1.590.400.000		
Khách hàng khác		118.551.540	235.296.537		
Cộng		8.971.041.745	6.788.613.274		
4. Trả trước cho người bán		Cuối kỳ	Đầu năm		
Công ty TNHH xây lắp Bảo Long		114.000.000	-		
Công ty TNHH Kiểm toán Nhân tâm việt		12.100.000	-		
Công ty TNHH MTV Tắm ánh		139.892.000	-		
Công ty CP thiết bị áp lực Bách khoa		654.368.000	-		
Công ty cổ phần Đông ú (Tiền được chiết khấu Thanh toán)		23.559.798	147.000.000		
Cộng		943.919.798	147.000.000		
5. Các khoản phải thu ngắn hạn khác		Cuối kỳ		Đầu năm	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ông Đào Tiến Hùng- tiền hỗ trợ mua xe		-	-	22.500.000	-
Ông Trần Trọng Nghĩa- tiền hỗ		49.000.000		-	

200
CỘT
CỔ
CƠ
M N
THU
YÊN
BÁI

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

09 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

trợ mua xe

Kinh Phí công đoàn	-	-	7.971.884	-
Bảo Hiểm xã hội phải thu CNV	47.045.250	-	31.355.100	-
Tiền điện thoại phải thu cá nhân	229.008	-	1.021.062	-
Thuế TNCN phải thu	61.580.000	-	-	-
Tạm ứng	654.210.000	-	354.000.000	-
Phải thu tiền phí hàng nhập đối t	8.200.000	-	-	-
			25.340.000	
Cộng	820.264.258	-	442.188.046	-

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn	Nợ phải thu, cho vay dài hạn	Cộng
Số đầu năm	(2.256.583.932)	-	(2.256.583.932)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-	-
Giảm do thu hồi được nợ	1.857.000.000	-	1.857.000.000
Số cuối kỳ	(399.583.932)	-	(399.583.932)

Trong kỳ đã thu hồi được nợ quá hạn của Công ty CP tinh dầu và chất thơm số tiền : 1.857.000.000

Chi tiết các khoản dự phòng xem phụ lục số 01

7. Hàng tồn kho:

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu;	7.568.139.549	-	13.519.060.633	-
Chi phí sản xuất KD dở dang;	1.688.830.984	-	1.881.919.281	-
Thành phẩm;	3.586.392.079	-	25.067.181.870	-
Hàng gửi bán;	-	-	387.381.564	-
Cộng	12.843.362.611	-	40.855.543.348	-

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
CP sửa chữa cầu cân+ HT Lọc bột Yên Bình	93.566.609	-
CP cải tạo thiết bị tách nước + Bảo dưỡng NM sản	1.726.097.070	67.880.000
Công cụ dụng cụ NM Minh Quân	22.856.155	-
Công cụ dụng cụ NMG văn chấn	29.000.000	-
CP hội nghị NM Nguyễn Phúc	-	-
CP hội nghị, CP QL tại Phú Thịnh	-	-
Công cụ dụng cụ tại Văn Chấn, Yên Hợp	-	-
CP bốc xếp thu mua NL Quế	29.344.000	-
Cộng	1.900.863.834	67.880.000

9. Phải thu dài hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm		
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Thuế của nhà thầu nước ngoài	16	-	-	-

116
10
PH
ON
C F
N
BÁI

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

09 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá	53.864.424.663	96.972.461.444	3.920.466.530	232.444.543	609.470.036	155.599.267.216
Số đầu năm	981.817.486	299.909.091	-	-	-	1.281.726.577
Tăng trong kỳ	981.817.486	299.909.091	-	-	-	1.281.726.577
- Do mua sắm mới						
- Do XD/CB hoàn thành	(592.357.282)	-	-	-	-	(592.357.282)
Giảm trong kỳ	(592.357.282)	-	-	-	-	(592.357.282)
- Giảm theo TT145/2013/TT-BTC						
- Thanh lý, nhượng bán	54.253.884.867	97.272.370.535	3.920.466.530	232.444.543	609.470.036	156.288.636.511
Số cuối kỳ	26.796.744.994	60.205.053.040	844.204.618	104.925.000	555.751.854	88.506.679.506

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

Giá trị hao mòn

Số đầu năm

- Tăng do trích khấu hao trong kỳ

- Tăng do điều chỉnh phân loại

Giảm trong kỳ

- Giảm theo TT145/2013/TT-BTC

- Thanh lý, nhượng bán

Số cuối kỳ

43.397.367.152	82.869.061.361	1.727.548.599	128.454.659	601.412.307	128.723.844.069
3.123.252.157	3.272.752.637	389.058.003	37.760.428	8.057.729	6.820.880.954
(1)	(5)				(6)
(592.357.282)	-	-	-	-	(592.357.282)
(592.357.282)	-	-	-	-	(592.357.282)
45.928.262.026	86.141.813.993	2.116.606.602	156.215.078	609.470.036	134.952.367.735
10.467.057.510	14.103.400.084	2.192.917.931	103.989.893	8.057.729	26.875.423.147
8.325.622.841	11.130.556.542	1.803.859.928	76.229.465	-	21.336.268.776

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

09 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:**

- Là phần mềm máy vi tính, phần mềm này đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng

12. Chi phí XDCB dở dang

	Số đầu năm	CP phát sinh trong kỳ	Kết chuyển tăng TSCĐ/Vào CP	Số cuối kỳ
Chi phí SC MMTB, NCVKT Yên Bình	-	92.513.118	-	92.513.118
Chi phí SC MMTB Văn Chấn	-	-	-	-
Chi phí SC MMTB Minh Quân	-	-	-	-
Chi phí SC MMTB Yên Hợp	-	-	-	-
Chi phí SC nhà xưởng Nguyễn Phúc	-	-	-	-
Chi phí SC MMTB Sản Văn Yên	-	-	-	-
Chi phí SC MMTB Quế Văn Chấn	-	-	-	-
Chi phí cải tạo DCSX sản 1	-	3.515.753.130	-	3.515.753.130
Cộng	-	3.608.266.248	-	3.608.266.248

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
CP bốc xếp thu mua NL Quế	-	62.000.000
Cộng	-	62.000.000

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty cổ phần hóa chất Việt Trì	278.678.646	798.005.787
Công ty TNHH đầu tư TMSX Minh Tiến	-	254.837.000
Công ty TNHH An Hoa	247.500.000	257.400.000
Công ty cổ phần Đông á	-	1.089.523.270
Công ty cổ phần Quốc Tế Thanh Bình	776.710.000	348.810.000
Công ty TNHH MTV Hà Thành	-	128.700.000
Công ty TNHH TM Phùng Hưng	49.445.000	100.765.500
Công ty TNHH SXTM Đạt Phương	138.533.000	147.383.014
Công ty cổ phần Thăng Huy	148.500.000	148.500.000
Công ty TNHH TM Hóa chất Ngọc Diệp	162.943.000	-
Trần Văn Chi (Đại lý sản)	-	652.761.800
Nguyễn Thị Liên (Đại lý sản)	-	615.864.000
Trần Văn Thảo (Đại lý sản)	-	1.008.946.500
Nguyễn Ngọc Chung (Đại lý sản)	-	233.949.300
Triệu Thiệu Lâm (Đại lý sản)	-	555.786.800
Nguyễn Thị Túc (Đại lý sản)	-	404.215.300
Vũ Đình Thân (Đại lý sản)	-	127.744.400
Phải trả các đối tượng khác	420.248.827	989.672.665
Cộng	2.222.558.473	7.862.865.336

A red circular stamp is located on the right side of the page. The text inside the stamp reads "CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI".

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

09 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty cổ phần VTKT Nông Nghiệp Cần thơ	1.437.260.000	7.407.734
Công ty HUEI TAI TRADING CO	271.979.694	337.265.450
Công ty cổ phần Long Thành	1.324.125	
Công ty TNHH MTV Quan JIA	8.638.428	
Phải trả cho các đối tượng khác	50.640.126	408.592.325
Cộng	1.769.842.373	753.265.509

16. Thuế và các khoản phải nộp

	Đầu năm	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.430.028.725	8.416.292.075	9.071.223.454	775.097.346
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		39.453.900	39.453.900	
Thuế nhập khẩu				
Thuế TNDN	1.831.132.925	3.020.472.738	3.411.563.450	1.440.042.213
Thuế thu nhập cá nhân	-42.742.885	1.291.386.261	474.060.306	774.583.070
Thuế tài nguyên	21.901.230	88.647.660	102.045.870	8.503.020
Thuế nhà đất, tiền thuê đất		113.385.247	228.642.981	
Các loại thuế khác	0	11.000.000	11.000.000	0
Cộng	3.240.319.995	12.980.637.881	13.337.989.961	2.998.225.649

Ghi chú : Thuế TNCN do Quyết toán năm 2016 thừa ra: 59.677.680 đồng

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Chi phí tiền điện	249.918.853	666.318.798
Chi phí NL sản	112.504.244	925.936.740
CP hỗ trợ thu mua và QL vùng NL sản	150.482.917	309.664.092
Phí bảo vệ môi trường quý III năm 2017	434.000.000	310.900.000
Trích trước Phí Kiểm toán 06T cuối năm	55.000.000	-
Trích trước tiền nghỉ phép năm theo khoán	-	-
Trích trước tiền Bảo hộ LD theo khoán	-	-
Chi phí khác	8.950.000	55.000.000
Cộng	1.010.856.014	2.267.819.630

18. Phải trả ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Lãi thuế TNCN với tiền lãi vay phải trả	6.144.313	40.598.452
Kinh phí công đoàn	13.752.476	-
Thuế TNCN phải trả	-	18.064.702
Bảo hiểm xã hội	532.347.925	-
Bảo hiểm tai nạn lao động	-	119.157.210
Tiền lãi vay cá nhân phải trả	15.024.684	-
Tiền sáng kiến cải tiến KT	-	44.600.000
Phải trả tiền phạt vi phạm môi trường	-	1.119.342.000
Tiền Cổ tức 2016	-	-
Phải trả khác	1.118.116.480	107.284.930

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÀI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

09 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

<i>Tiền Tiết kiệm vật tư</i>	1.000.385.698	
<i>Tiền Phụ cấp, tiền bốc vác</i>	117.730.782	107.284.930
Cộng	1.685.385.878	1.449.047.294

19. Vay, nợ thuê TC ngắn hạn

	Đầu năm		Cuối kỳ	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn cá nhân	2.694.771.760	2.694.771.760	584.285.706	584.285.706
Cộng	2.694.771.760	2.694.771.760	584.285.706	584.285.706

Chi tiết phát sinh các khoản vay trong kỳ như sau:

	Đầu năm	Số tiền vay phát	Số tiền vay đã trả	Cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng		5.448.742.047	5.448.742.047	0
Vay ngắn hạn các cá nhân	2.694.771.760	51.797.412	2.162.283.466	584.285.706
	2.694.771.760	5.500.539.459	7.611.025.513	584.285.706

20. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Là chi phí tiền lương bổ sung, nghỉ phép năm, bảo hộ lao động phải trả cho người lao động

21. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Đầu năm	Tăng do PP từ LN	Chi quỹ trong kỳ	Cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	767.702.712	975.898.405	1.333.680.000	409.921.117
Quỹ phúc lợi	1.550.554.557	475.898.400	1.415.915.000	610.537.957
	2.318.257.269	1.451.796.805	2.749.595.000	1.020.459.074

22. Phải trả người bán dài hạn

Công ty TNHH thiết bị công nghiệp HTC Vĩnh Phúc

DNTN Sinh hóa Phương Toàn

Hainan DongFang Dahui Starch Produce Co., LTD

Cộng

	Cuối năm	Đầu năm
	1.850.000	1.850.000
Cộng	1.850.000	1.850.000

Ghi chú:

*Đã tiến hành xóa nợ của DNTN Sinh hóa Phương toàn do hợp đồng đã quá lâu
Đồng thời quyết toán vốn của Nhà thầu nước ngoài Hainan, kết thúc công nợ dài hạn*

23. Phải trả dài hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Ông Hà Xuân Quảng	5.000.000	5.000.000
Công ty TNHH DV vận tải Đỗ Cường	20.000.000	20.000.000
Doanh nghiệp tư nhân Bốn Sao	15.000.000	15.000.000
Cộng	40.000.000	40.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

09 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

24 Vốn đầu tư của chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của chủ sở hữu**

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn CP	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	34.000.900.000	323.060.671	3.211.335.970	35.119.723.619	74.655.020.260
Lợi nhuận trong kỳ				19.035.936.107	19.035.936.107
Trích lập các quỹ trong kỳ			3.199.119.500	(3.199.119.500)	
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi				(2.559.295.600)	(2.559.295.600)
Trích quỹ thưởng Ban lãnh đạo				(480.000.000)	(480.000.000)
Chi cổ tức năm 2015				(22.100.585.000)	(22.100.585.000)
Tăng vốn ĐL từ LN CPP	5.599.980.000		18.000.000.000	(5.599.980.000)	
Tăng vốn ĐL từ các quỹ	8.000.000.000				
Số dư cuối năm trước	47.600.880.000	323.060.671	410.455.470	20.216.679.626	68.551.075.767
Số dư đầu năm nay	47.600.880.000	323.060.671	410.455.470	20.216.679.626	68.551.075.767
Lợi nhuận trong kỳ				14.598.767.820	14.598.767.820
Trích lập các quỹ trong kỳ			951.796.806	(951.796.806)	
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi				(951.796.805)	(951.796.805)
Trích quỹ thưởng Ban lãnh đạo				(250.000.000)	(250.000.000)
Chi cổ tức năm 2016				(16.184.299.200)	(16.184.299.200)
Tăng vốn ĐL từ LN CPP					
Tăng vốn ĐL từ các quỹ					
Bản cổ phiếu quỹ					
Số dư cuối năm nay	47.600.880.000	323.060.671	1.362.252.276	16.477.584.635	65.763.747.582

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

09 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Vốn góp của các cổ đông	47.600.880.000	47.600.880.000
Thặng dư vốn cổ phần	323.060.671	323.060.671
	47.923.940.671	47.923.940.671
c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	47.600.880.000	47.600.880.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	0	-
d) Cổ phiếu	Cuối năm	Đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đã đăng ký phát hành	4.760.088	4.760.088
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.760.088	4.760.088
+ Cổ phiếu phổ thông	4.760.088	4.760.088
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.760.088	4.760.088
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành :	10.000	10.000
đ) Cổ tức		
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:.....	3.067	3.999
e) Các quỹ của doanh nghiệp:		
- Quỹ đầu tư phát triển:	1.362.252.276	410.455.470
20. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán	Cuối năm	Đầu năm
Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công	5.367.760.662	6.349.374.348
Nợ khó đòi đã xử lý	1.857.000.000	28.500.000
Ngoại tệ các loại: USD	15.195.160	215,100

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
1. Tổng doanh thu bán hàng		
cấp dịch vụ	206.723.622.330	227.779.658.757
hàng hóa	206.723.622.330	227.779.658.757
Trong đó: Doanh thu nội địa	143.095.182.071	123.091.369.435
DT xuất khẩu trực tiếp	63.628.440.259	104.688.289.322
- DT Sản phẩm Giấy vàng mã:	51.860.064.300	36.780.307.750
Tương đương Tiền USD	2.285.950,00	1.649.750,0000
- DT Sản phẩm Giấy để XK	11.768.375.959	19.847.456.572
Tương đương Tiền USD	518.921,60	890.476,08
- DT Sản phẩm Tinh bột sắn:	-	48.060.525.000
Quy ra USD	-	2.159.053,23
Tổng cộng USD:	2.804.871,60	4.699.279,31
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Doanh thu thuần	<u>206.723.622.330</u>	<u>227.779.658.757</u>

2. Các khoản giảm trừ doanh

Năm nay 22

Năm trước *

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

09 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	0	0
3. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của thành phẩm đã	174.776.481.900	196.527.142.218
	174.776.481.900	196.527.142.218
4. Doanh thu hoạt động tài	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	697.310.756	821.164.635
- Lãi chênh lệch tỷ giá;	51.778.627	91.287.217
	749.089.383	912.451.852
5. Chi phí tài chính	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay;	119.681.950	768.392.135
- Lỗ chênh lệch tỷ giá;	55.041.393	79.765.888
	174.723.343	848.158.023
6. Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
- Thu nhập khác từ xử lý nợ	-	71.619.047
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ;	-	113.363.636
	-	184.982.683
7. Chi phí khác	Năm nay	Năm trước
- Các khoản bị phạt;		
- Thuế TNCN phải nộp Bổ sung	5.113.571	7.672.727
	5.113.571	7.672.727
8. Chi phí bán hàng và chi phí	Năm nay	Năm trước
a) Các khoản chi phí quản lý		
Chi phí nhân viên quản lý	4.358.763.567	4.906.260.453
Chi phí vật liệu quản lý	202.673.798	174.300.152
Chi phí đồ dùng văn phòng	258.848.000	125.423.182
Chi phí khấu hao TSCĐ	685.073.484	654.712.371
Thuế, phí và lệ phí	1.957.640.402	1.441.368.591
Chi phí dự phòng	(1.828.290.001)	14.100.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	589.592.844	517.054.306
Chi phí bằng tiền khác	2.596.148.031	3.568.546.332
Cộng	8.820.450.125	11.401.765.387
b) Các khoản chi phí bán hàng		
- Các khoản chi phí bán hàng	6.076.702.216	9.677.228.500
Cộng	6.076.702.216	9.677.228.500

11
NG
PI
ĐA
CF
NI
TÀI

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

09 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

9. Chi phí thuế thu nhập

- Chi phí thuế thu nhập doanh
- Tổng chi phí thuế thu nhập

Năm nay

0

3.020.472.738

Năm trước

1.367.423.141

1.367.423.141

Lập, ngày 17 tháng 10 năm 2017

Người lập biểu


Nguyễn Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng


Hứa Minh Hồng

Giám đốc



Nguyễn Quốc Trình

11/01/2018

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

09 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty

Năm nay	Tại Văn phòng Công ty (hoặc động khác)				Loại trừ nội bộ	Đơn vị tính: VND
	Giấy để	Giấy vàng mã	Tính bột sẵn	Tính dầu quế		
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	70.853.701.259	51.860.064.300	66.899.991.453	17.011.500.000	98.365.318	206.723.622.330
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	13.100.669.270	16.426.172.733	12.727.266.090	6.221.011.093	(79.101.914.207)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	13.100.669.270	101.480.496.280	79.627.257.543	23.232.511.093	98.365.318	206.723.622.330
Chi phí bộ phận	-	61.810.656.434	61.364.602.901	16.369.522.690	-	189.575.268.923
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	-	9.043.044.825	5.335.388.552	641.977.310	-	17.049.988.089
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	749.089.383
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	(174.723.343)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	(5.113.571)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	-	(3.020.472.738)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	14.598.767.820

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

09 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Tại Văn phòng
Công ty
(hoạt động khác)

Số cuối năm	Giấy để	Giấy vàng mã	Tinh bột sắn	Tinh dầu quế	Cộng
Tài sản trực tiếp của bộ phận	6.969.887.863	1.848.654.721	5.890.242.802	1.137.775.186	88.328.670.393
Tài sản phân bổ cho bộ phận	3.867.277.961	303.044.716	12.728.197.453	1.906.573.764	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng tài sản	10.837.165.824	2.151.699.437	18.618.440.255	3.044.348.950	88.328.670.393
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	5.997.920.167	1.599.618.773	4.418.071.373	1.141.482.634	22.564.922.811
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	5.997.920.167	1.599.618.773	4.418.071.373	1.141.482.634	22.564.922.811

Số đầu năm

Tài sản trực tiếp của bộ phận	9.042.106.872	2.638.785.357	26.436.947.495	3.391.952.624	105.480.071.998
Tài sản phân bổ cho bộ phận	4.606.654.664	400.902.241	16.074.532.860	2.577.025.016	0
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng tài sản	13.648.761.536	3.039.747.598	42.511.480.355	5.968.977.640	105.480.071.998
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	9.308.944.196	2.638.785.357	26.436.947.495	3.391.952.624	36.928.996.231
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	9.308.944.196	2.638.785.357	26.436.947.495	3.391.952.624	36.928.996.231

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

09 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước (nội địa) và khu vực nước ngoài (xuất khẩu)

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

Đơn vị tính: VND

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Khu vực nội địa	143.095.182.071	123.091.369.435
Khu vực xuất khẩu	63.628.440.259	104.688.289.322
Cộng	<u>206.723.622.330</u>	<u>227.779.658.757</u>


Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác

Đơn vị tính: VND

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	(1.281.726.577)	(1.588.873.179)
Cộng	<u>(1.281.726.577)</u>	<u>(1.588.873.179)</u>

Lập, ngày 17 tháng 10 năm 2017

Người lập biểu

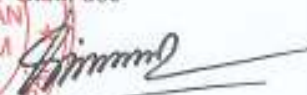

Nguyễn Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng


Hứa Minh Hồng



Giám đốc


Nguyễn Quốc Trình

Công ty CP LNS Thực phẩm Yên Bái
Mã chứng khoán : CAP

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Số: *229* /KT

Yên Bái, ngày 17 tháng 10 năm 2017

v/v giải trình chênh lệch 10% lợi nhuận sau thuế so với cùng kỳ năm trước tại BCTC hợp nhất.

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Hà nội

Trân trọng cảm ơn sự hỗ trợ của Quý Cơ quan trong thời gian qua đối với Công ty Cổ phần lâm nông sản thực phẩm Yên Bái, mã chứng khoán CAP.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty quý 3/ 2017 có kết quả như sau:

Lợi nhuận sau thuế TNDN quý 3/2017		6.094.865.656 đ
Lợi nhuận sau thuế TNDN quý 3/2016	:	1.951.740.829 đ
Tỷ lệ so sánh tăng	:	312 %

Công ty CP LNS thực phẩm Yên Bái giải trình yếu tố ảnh hưởng tăng lợi nhuận sau thuế so với cùng kỳ năm trước như sau:

- Doanh thu bán hàng giảm: giá bán mặt hàng tinh bột sắn giảm, giá bán mặt hàng giấy tăng so với cùng kỳ.
- Các khoản : giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp đều giảm .

Trên đây là nội dung giải trình của Công ty chúng tôi.

Xin trân thành cảm ơn ./.

Nơi nhận:

- như trên
- lưu tại phòng KT

CÔNG TY CP LNS THỰC PHẨM YÊN BÁI



Nguyễn Quốc Trinh